

Bản án số: 182/2018/HSST
Ngày 17-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2018/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh A; thường trú: Xóm 5, xã N, huyện Đ, tỉnh A; chỗ ở: Số 10/18, khu phố Q A, phường C, thị xã T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo không có anh chị em ruột; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2018 đến ngày 19/4/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị Á, sinh năm 1970; thường trú: Số 194/7A, khu phố L, phường H, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Vinh Triều Th, sinh năm 1962; thường trú: Số 28/57, tổ 99, khu phố 13, phường 17, quận G, Thành phố M. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Trần Kim L, sinh năm 1982; thường trú: Số 214/14B, khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Bình D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 06/4/2018, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sanyan, biển số 50V-5189 chạy từ phòng trọ đến kiốt H địa chỉ số 194/7A, tổ 1, khu phố C, phường H, thị xã D, tỉnh B để mua trứng vịt lộn về bán. Khi đến nơi, T gặp Trần Kim L hỏi mua trứng vịt lộn thì L quay mặt vào trong kêu chủ tiệm là bà Trần Thị Á ra bán. Lúc này, T nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng, vỏ ốp lưng trong suốt màu vàng của Á đang để trên vỉ trứng nên T dùng tay phải lấy điện thoại Oppo F5 màu vàng đồng bỏ vào túi quần rồi T điều khiển xe mô tô biển số 50V-5189 chạy về phòng trọ. Đến khoảng 21 giờ 00 phút ngày 10/4/2018 T đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội tại Công an phường H.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 108/BB.ĐG ngày 18/4/2018 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng có trị giá 4.500.000 đồng.

Ngày 19/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can để điều tra đối với Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng, vỏ ốp lưng trong suốt màu vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanyan, biển số 50V-5189, số khung 50V-5189, số máy 85820.B.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng, vỏ ốp lưng trong suốt màu vàng đã thu hồi trả lại cho bị hại Trần Thị Á.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanyan, biển số 50V-5189, số khung 50V-5189, số máy 85820.B do Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Á đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Tại cáo trạng số 179/CT-VKS ngày 21 tháng 6 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức hình phạt từ 01 năm đến 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 06/4/2018, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sanyan, biển số 50V-5189 chạy từ phòng trọ đến kiốt H địa chỉ số 194/7A, tổ 1, khu phố C, phường H, thị xã D, tỉnh B để mua trứng vịt lộn về bán. Khi đến nơi, T gặp Trần Kim L hỏi mua trứng vịt lộn thì L quay mặt vào trong gọi chủ tiệm là bà Trần Thị Á ra bán. Lúc này, T nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng, vỏ ốp lưng trong suốt màu vàng của Á đang để trên vĩ trứng nên T dùng tay phải lấy điện thoại Oppo F5 màu vàng đồng bỏ vào túi quần rồi T điều khiển xe mô tô biển số 50V-5189 chạy về phòng trọ. Đến khoảng 21 giờ 00 phút ngày 10/4/2018 T đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội tại Công an phường H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại có trị giá 4.500.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 179/CT - VKS ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, gia đình bị cáo quá trình sinh sống chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và địa phương, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cha mẹ thường xuyên bị bệnh, bị cáo là người con duy nhất trong gia đình và bản thân bị cáo bị bệnh tim.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cáo được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe, cải tạo riêng cho bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo có thu nhập thấp, bản thân bị cáo sức khỏe không ổn định do bị bệnh tim. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[9] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày, tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường C, thị xã T, tỉnh B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho phường C, thị xã T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanyan, biển số 50V-5189, số khung 50V-5189, số máy 85820.B do Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D với Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D).

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã N, huyện Đ,
- Tỉnh A;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Ngọc Liên

